

CHÍNH PHỦ
Số: 38/2003/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2003

NGHỊ ĐỊNH

**Về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước
ngoài sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ ý kiến của ủy ban Thường vụ Quốc hội tại văn bản số 08/UBTVQH ngày 13 tháng 01 năm 2003 về ban hành Nghị định của Chính phủ về chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương 1:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Nghị định này quy định việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thành Công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài.

Công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 2. Mục tiêu chuyển đổi

Việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần nhằm:

1. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
2. Huy động vốn của các nhà đầu tư ngoài nước, trong nước để đầu tư đổi mới công nghệ, tạo thêm việc làm, phát triển doanh nghiệp.
3. Đa dạng hoá hình thức đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư, tạo sức hấp dẫn để thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
4. Tạo thêm nguồn hàng cho thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Chuyển đổi doanh nghiệp" là việc chuyển đổi tổ chức quản lý của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập, hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thành công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài.
2. "Công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài" (sau đây viết tắt là Công ty cổ phần) là doanh nghiệp có vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là "cổ phần"; trong đó các cổ đông sáng lập nước ngoài nắm giữ ít nhất 30% vốn điều lệ; được tổ chức, hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần quy định tại Nghị định này; được hưởng các bảo đảm của Nhà nước Việt Nam và các ưu đãi theo quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
3. "Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài" (sau đây viết tắt là doanh nghiệp) là doanh nghiệp liên doanh hoặc doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, được thành lập theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
4. "Vốn điều lệ" là số vốn do các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ Công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài.
5. "Vốn có quyền biểu quyết" là phần vốn góp, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề được Đại hội đồng cổ đông quyết định.
6. "Cổ đông nước ngoài" là tổ chức, cá nhân nước ngoài sở hữu cổ phần trong Công ty cổ phần.

7. "Cổ đông Việt Nam" là tổ chức, cá nhân Việt Nam sở hữu cổ phần trong Công ty cổ phần.
8. "Cổ đông sáng lập Công ty cổ phần" là chủ đầu tư góp vốn pháp định của doanh nghiệp trước khi chuyển đổi hoặc tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phiếu cổ đông sáng lập.
9. "Cổ tức" là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài để trả cho mỗi cổ phần.
10. "Người quản lý doanh nghiệp" là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), các chức danh quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty cổ phần quy định.

Điều 4. Hình thức chuyển đổi

Doanh nghiệp được chuyển đổi theo các hình thức sau:

1. Giữ nguyên giá trị doanh nghiệp và chủ đầu tư.
2. Chuyển nhượng một phần giá trị doanh nghiệp cho các cổ đông mới.
3. Giữ nguyên giá trị doanh nghiệp hoặc chuyển nhượng một phần vốn và phát hành thêm cổ phiếu để thu hút vốn đầu tư.

Điều 5. Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần Công ty cổ phần gồm:

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam.
2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài.
3. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Đối tượng này có quyền tự quyết định là cổ đông nước ngoài hay cổ đông Việt Nam song phải đăng ký khi mua cổ phần và được hưởng các quyền lợi và thực hiện các nghĩa vụ tương ứng.

Điều 6. Bảo đảm của Nhà nước đối với cổ đông và Công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài

Quyền sở hữu vốn và mọi quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông và của Công ty cổ phần được Nhà nước Việt Nam bảo hộ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Chính phủ Việt Nam ký kết với các nước Điều ước quốc tế về khuyến khích và bảo hộ đầu tư mà có các quy định khác với quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định của Điều ước quốc tế đó.

Chương 2: ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI

Điều 7. Điều kiện chuyển đổi

Các doanh nghiệp được chuyển đổi phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Đã góp đủ vốn pháp định theo quy định tại Giấy phép đầu tư.
2. Đã chính thức hoạt động ít nhất 3 năm, trong đó năm cuối cùng trước khi chuyển đổi phải có lãi.
3. Có hồ sơ đề nghị chuyển đổi.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan lựa chọn các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ và đáp ứng các điều kiện nêu trên, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 8. Trách nhiệm, quyền hạn của doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi

1. Doanh nghiệp tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam cho đến khi được cấp Giấy phép đầu tư điều chỉnh chuẩn y việc chuyển đổi doanh nghiệp.
2. Doanh nghiệp phải bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường và bảo đảm các quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động.
3. Nhà nước Việt Nam khuyến khích doanh nghiệp bán cổ phần theo các điều kiện ưu đãi cho cán bộ quản lý, nhân viên và công nhân làm việc tại doanh nghiệp, tùy theo mức độ cống hiến vào kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 9. Giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi

1. Giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi là toàn bộ giá trị tài sản ghi trên sổ sách của doanh nghiệp đã được kiểm toán trong vòng 6 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chuyển đổi. Giá trị doanh nghiệp là cơ sở cho việc xác định giá tối thiểu bán cổ phần và phát hành cổ phiếu của công ty.

2. Trong trường hợp doanh nghiệp liên doanh, tỷ lệ nắm giữ vốn giữa các Bên liên doanh sau khi xác định lại giá trị doanh nghiệp là tỷ lệ góp vốn pháp định của các bên quy định tại Giấy phép đầu tư.

3. Đối với doanh nghiệp liên doanh mà Bên Việt Nam góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất, thì giá trị quyền sử dụng đất và thời hạn góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất được giữ nguyên theo quy định tại Giấy phép đầu tư và tính vào giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi. Hết thời hạn Bên Việt Nam góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất, Công ty cổ phần chuyển sang hình thức thuê đất của Nhà nước Việt Nam.

Doanh nghiệp được thuê các Công ty tư vấn, Công ty tài chính, Công ty kiểm toán, Công ty chứng khoán trong nước hoặc nước ngoài để xác định giá trị doanh nghiệp, giá bán cổ phần hoặc giá phát hành cổ phiếu.

Chương 3:

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 10. Cổ đông của Công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài

1. Công ty cổ phần phải có ít nhất một cổ đông sáng lập nước ngoài, tổng giá trị cổ phần do cổ đông sáng lập nước ngoài nắm giữ phải bảo đảm ít nhất bằng 30% vốn điều lệ trong suốt quá trình hoạt động của công ty.

2. Cổ đông của Công ty cổ phần chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty cổ phần trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

3. Cổ đông có quyền chuyển nhượng cổ phần của mình theo quy định của Nghị định này.

4. Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là ba và không hạn chế số lượng tối đa.

5. Các cổ đông nước ngoài được quyền tham gia quản lý Công ty cổ phần.

Điều 11. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.